TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI NHƠN** TỈNH BÌNH ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/DS-ST
Ngày: 17-02-2020
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Ngô Thị Thúy Hồng
2. Bà Trương Thị Diện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định *tham gia phiên tòa:* Ông Trương Văn Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn G, sinh năm 1969 (Có mặt)
Địa chỉ: Số nhà 327, Đường P, Tổ 7, phường TN, thành phố P, tỉnh G.
2. Bị đơn: Vợ chồng ông Lê Văn D, sinh năm 1973 (Vắng mặt)
bà Dương Thị Th, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Ngày 25/12/2017, do thiếu vốn nuôi ong nên vợ chồng ông Lê Văn D bà Dương Thị Th mượn của ông Trần Văn G số tiền 62.860.000 đồng, có viết giấy nhận nợ, không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả. Ông G đã đòi nhiều lần nhưng ông D bà Th vẫn chưa

trả. Nay ông G yêu cầu ông D bà Th trả số tiền 62.860.000 đồng và không có yêu cầu gì khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn D bà Dương Thị Th không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của ông G, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu của ông G, buộc vợ chồng ông D bà Th phải liên đới trả cho ông G số tiền 62.860.000 đồng; ông D bà Th phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn vợ chồng ông Lê Văn D bà Dương Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông D bà Th.

[2] Theo thông tin xác minh tại địa phương nơi ông D bà Th cư trú thì ông bà có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh B; hàng ngày ông bà đi làm từ sáng đến tối mới về. Khi thực hiện cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án đã lập biên bản và giao cho thôn trưởng thôn L. Thôn trưởng thôn L đã cam kết trao tận tay ngay cho ông D bà Th và đã thực hiện việc này. Như vậy, ông D bà Th đã nhận được bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ, thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng ông bà không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, cố tình không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của ông D bà Th để làm rõ các nội dung liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông G được, không tiến hành hòa giải được. Ông D bà Th đã thể hiện ý thức, thái độ thiếu tôn trọng pháp luật; không có ý kiến, trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật nên ông bà phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

[3] Qua xem xét Giấy nhận nợ ngày 25/12/2017, được xác lập giữa ông G với vợ chồng ông D bà Th. Thấy rằng, đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi. Ông D bà Th đã biết về giấy nhận nợ này cũng như ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông G nhưng không có ý kiến phản đối nên có thể xác

định ngày 25/12/2017, ông D bà Th vay của ông G số tiền 62.860.000 đồng là đúng sự thật. Ông D bà Th không trả nợ nên ông G có quyền đòi lại tài sản.

[4] Ông D bà Th là vợ chồng, cùng thỏa thuận xác lập giao dịch vay tiền của ông G để đầu tư sản xuất kinh doanh thì phải có nghĩa vụ liên đới trả đủ tiền cho ông G. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G, buộc vợ chồng ông D bà Th phải liên đới trả cho ông G số tiền 62.860.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông D bà Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 62.860.000 đồng x 5% = 3.143.000 đồng.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G, buộc vợ chồng ông D bà Th phải liên đới trả cho ông G số tiền 62.860.000 đồng và phải chịu án phí theo qui định, là phù hợp, đúng qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 357, 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự; các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn G. Buộc vợ chồng ông Lê Văn D bà Dương Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn G số tiền 62.860.000 đồng (Sáu mươi hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí sơ thẩm: Vợ chồng ông Lê Văn D bà Dương Thị Th phải chịu 3.143.000 đồng (Ba triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Trần Văn G số tiền 1.572.000 đồng (Một triệu năm

trăm bảy mươi hai nghìn đồng) ông đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005332 ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

3/ Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hoàng